

Số: 5318 /QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCN năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 19/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ-Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2917/QĐ-DKVN ngày 12/4/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quy chế Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Quy chế QLKH);

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-DKVN ngày 29/5/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phân công công việc trong Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-DKVN ngày 25/6/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét duyệt và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN cấp PVN chuyên ngành An toàn và Bảo vệ Môi trường dầu khí;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-DKVN ngày 25/6/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét duyệt và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN cấp PVN chuyên ngành Kinh tế - Quản lý dầu khí;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-DKVN ngày 25/6/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét duyệt và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN cấp PVN chuyên ngành Điện;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-DKVN ngày 25/6/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN cấp PVN chuyên ngành Tìm kiếm Thăm dò dầu khí;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-DKVN ngày 25/6/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN cấp PVN chuyên ngành Khoan - Khai thác dầu khí;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-DKVN ngày 25/6/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN cấp PVN chuyên ngành Hóa - Chế biến dầu khí;

Căn cứ Biên bản số 4142/BB-DKVN ngày 11/7/2018 họp Hội đồng xét duyệt chuyên ngành Hóa - Chế biến Dầu khí xem xét, rà soát các NV KHCN năm 2018 lĩnh vực Hóa - Chế biến Dầu khí;

Căn cứ Biên bản số 4182/BB-DKVN ngày 12/7/2018 họp Hội đồng xét duyệt chuyên ngành An toàn và Bảo vệ Môi trường Dầu khí xem xét, rà soát các NV KHCN năm 2018;

Căn cứ Biên bản số 4467/BB-DKVN ngày 26/7/2018 họp Hội đồng xét duyệt chuyên ngành Điện xem xét, rà soát các NV KHCN năm 2018 lĩnh vực Điện;

Căn cứ Biên bản số 4599/BB-DKVN ngày 31/7/2018 họp Hội đồng xét duyệt chuyên ngành Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí xem xét, rà soát các NV KHCN năm 2018 lĩnh vực Tìm kiếm Thăm dò dầu khí và các nhiệm vụ khác liên quan;

Căn cứ Biên bản số 4594/BB-DKVN ngày 31/7/2018 họp Hội đồng xét duyệt chuyên ngành Khoan - Khai thác dầu khí xem xét, rà soát các NV KHCN năm 2018 lĩnh vực Khoan - Khai thác Dầu khí và các nhiệm vụ khác liên quan;

Căn cứ Biên bản số 4686/BB-DKVN ngày 04/8/2018 họp Hội đồng xét duyệt chuyên ngành Kinh tế - Quản lý Dầu khí xem xét, rà soát các NV KHCN năm 2018 lĩnh vực Kinh tế - Quản lý Dầu khí;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Công nghệ - An toàn và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN năm 2018 như Phụ lục kèm theo.

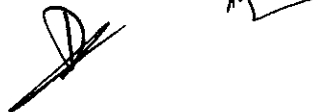
- Nguồn vốn: Quỹ Phát triển KHCN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).
- Phương thức thực hiện: như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Ban Công nghệ An toàn và Môi trường và các Ban chuyên môn liên quan của Tập đoàn phối hợp triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế quản lý khoa học hiện hành.

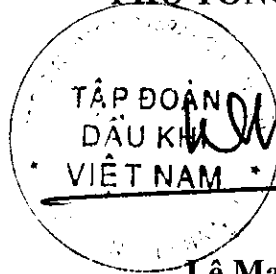
Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban liên quan của Tập đoàn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐTV, Ban TGD TĐ (e-copy, đề b/c);
- Các Ban TĐ: TKTD, KTDK, K&CBDK, Điện, QLHĐDK, QTNL;
- Viện Dầu khí VN, PVEP;
- Trường ĐH Dầu khí (PVU);
- Các Ban khác Tập đoàn (e-copy);
- Lưu VT, CNATMT (11b).



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Mạnh Hùng

Phụ lục: DANH MỤC NHIỆM VỤ KHCN KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 5318 /QĐ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2018)

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
1.	Lĩnh vực Tìm kiếm Thâm dò và Khoan – Khai thác Dầu khí (14 Nhiệm vụ)					
1.1	Thẩm định các yếu tố kỹ thuật và kinh tế chính tại báo cáo của PVEP số 13/TDKT-PVEP ngày 16/3/2018 về phương án tiếp theo đối với Dự án Phát triển Khai thác và Nâng cấp dầu nặng Lô Junin 2, Venezuela. (QĐ 2919, ngày 16/5/2018)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trữ lượng dầu khí tại chỗ. - Xem xét lại các vấn đề liên quan đến công nghệ mỏ và đánh giá khả năng khai thác. - Thẩm định kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế và rủi ro kinh tế. - Đánh giá ưu, nhược điểm của các phương án dừng/giãn/tiếp tục triển khai và đề xuất phương án xem xét. 	Ban QLHD DK	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam (đã ký hợp đồng KHCN)
1.2	Nghiên cứu, đánh giá động thái khai thác và các biện pháp tăng cường thu hồi dầu mỏ Bạch Hổ, Lô 09-1. (QĐ 3074, ngày 25/5/2018)	<p><i>* Phân tổng hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật cơ sở dữ liệu, phân tích và tổng hợp số liệu địa chất - địa vật lý, tham số vỉa chứa và trữ lượng dầu khí tại chỗ. - Phân tích và đánh giá trạng thái khai thác và hệ số trữ lượng thu hồi của các đối tượng/mỏ trong các giai đoạn. - Tổng hợp số liệu khai thác, quản lý mỏ và cập nhật cơ sở dữ liệu. <p><i>* Đánh giá trạng thái khai thác</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập báo cáo đánh giá nhanh trong trường hợp các mỏ theo dõi có sự cố ảnh hưởng khả năng khai thác. - Đánh giá trạng thái khai thác trên cơ sở phân tích chi tiết động thái khai thác của từng giếng, từng đối tượng vỉa, ... làm cơ 	Ban KTDK	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam (đã ký hợp đồng KHCN)

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>sở lập các báo cáo sau.</p> <p><i>* Nghiên cứu, thẩm định kế hoạch địa chất – kỹ thuật (GTM)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập báo cáo đánh giá về kế hoạch các biện pháp địa chất – kỹ thuật (GTM) và dự báo sản lượng khai thác hàng năm trước khi diễn ra kỳ họp Hội đồng VSP bao gồm: <p><i>Địa chất:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, kiểm tra hiệu chỉnh các bản đồ cấu trúc địa chất, tham số vỉa chứa và phân bố trữ lượng dầu khí tại chỗ cho đối tượng/khu vực dự kiến áp dụng GTM. - Nghiên cứu, kiểm tra liên kết vỉa, hiệu chỉnh các tham số vỉa chứa theo tài liệu ĐVLGK kết hợp với tài liệu khai thác, thử vỉa và tài liệu phân tích mẫu bổ sung nếu có. - Nghiên cứu, kiểm tra trữ lượng dầu khí tại chỗ ban đầu, phân bố trữ lượng còn lại cho khu vực dự kiến có giếng khoan mới/cắt thân. - Cập nhật lại mô hình địa chất cho khu vực có giếng khoan dự kiến. <p><i>Công nghệ mỏ và Khai thác:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, đánh giá phân tích trạng thái khai thác cho khu vực có kế hoạch khoan mới/cắt thân trên cơ sở khai thác và mô hình thủy động. - Cập nhật lại mô hình thủy động do nhà điều hành cung cấp, xây dựng mô hình thủy động cho khu vực giếng dự kiến (nếu cần thiết) và dự báo khả năng khai thác với các phương án hoàn thiện giếng khác nhau. - Dự báo sản lượng ngắn hạn sử dụng DCA. - Nghiên cứu, thẩm định kế hoạch các biện pháp GTM khác (nứt vỉa thủy lực, xử lý axit ...). 				

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác mỏ hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ban chức năng. - Đánh giá các yếu tố rủi ro cho các phương án GTM. 				
1.3	<p>Nghiên cứu, đánh giá tổng quan các vấn đề kỹ thuật, kinh tế - đầu tư của Dự án Khai thác và Nâng cấp dầu nặng</p> <p>Lô Junnin 2 - Venezuela. (QĐ 4595, ngày 31/7/2018)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả xây dựng mô hình địa chất, trữ lượng dầu tại chỗ của mỏ. - Đánh giá kết quả dự báo sản lượng các phương án khai thác và dự báo trữ lượng dầu thu hồi của Dự án trong thời gian hợp đồng. - Đánh giá các phương án phát triển khai thác. - Đánh giá hiệu quả kinh tế đầu tư của Dự án. - Đánh giá những giải pháp đề xuất của PVEP về phương hướng tiếp theo cho Dự án trên cơ sở hiệu quả đầu tư, điều kiện hợp đồng và những rủi ro tiềm ẩn... 	Ban QLHD DK	Xét chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	Hội Dầu khí Việt Nam (Đang triển khai thủ tục)
1.4	<p>Tổng hợp số liệu phân tích địa hóa đáy biển tại các lô hợp đồng dầu khí trên vùng biển và thềm lục địa Việt Nam. (mục A.1, BB 4599)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ sở dữ liệu địa hóa trầm tích nông trên thềm lục địa Việt Nam trên cơ sở các chương trình nghiên cứu địa hóa phân nông trong công tác TKTD dầu khí truyền thống/phi truyền thống, chương trình khoan đại dương (ODP). - Xây dựng Hệ phương pháp phân tích, tổng hợp địa hóa đáy biển và địa hóa truyền thống. - Ứng dụng kết quả phân tích địa hóa bề mặt đáy biển đối với công tác TKTD dầu khí truyền thống/phi truyền thống dưới sâu và đánh giá các yếu tố rủi ro. 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	Viện Dầu Khí Việt Nam
1.5	<p>Xây dựng cơ sở dữ liệu mẫu vật. (mục A.2, BB 4599)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin, kết quả phân tích mẫu vật giếng khoan, ảnh chụp mẫu lõi... đã được các nhà thầu, đơn vị thực hiện; - Tổng hợp, phân loại, đánh giá tình trạng mẫu vật giếng khoan, ảnh chụp mẫu lõi, kết quả phân tích mẫu; - Lựa chọn mẫu lõi cân chụp ảnh, mô tả mẫu sẵn sàng phục vụ 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	Viện Dầu Khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
1.6	<p>Tổng kết, đánh giá đặc trưng vật lý thạch học và độ khoáng hóa nước vỉa của đá chứa ở bể trầm tích Cửu Long. (mục A.3, BB 4599)</p>	<p>khai thác thông tin;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập phương án chụp ảnh, mô tả mẫu lõi; - Chụp ảnh mẫu lõi, mô tả mẫu; - Sản phẩm, kết quả của đề tài đảm bảo các yêu cầu phù hợp với dự án xây dựng CSDL của Tập đoàn: <ul style="list-style-type: none"> • Công cụ quản lý, tra cứu thông tin, dữ liệu mẫu vật giếng khoan được tích hợp với các thông tin liên quan khác của giếng khoan. • CSDL quản lý toàn bộ các thông tin liên quan đến mẫu vật giếng khoan hiện có của PVN, bao gồm: các kết quả phân tích mẫu, ảnh chụp mẫu vật ... • CSDL mở, có khả năng cập nhật và thiết lập báo cáo theo yêu cầu. 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
1.7	<p>Xây dựng hệ phương pháp dự báo các đặc trưng via chứa trên cơ sở ứng dụng tổ hợp Trí tuệ nhân tạo - Hệ thông tin địa lý ở khu vực bê Cừ Long. (mục A.4, BB 4599)</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống DB, KB và các module phần mềm phục vụ công tác dự báo các đặc trưng địa chất dầu khí: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng cấu trúc tổng quan DB và KB phục vụ công tác nhập dữ liệu và thu nạp tri thức của các chuyên gia hàng đầu các chuyên ngành địa chất, địa vật lý (địa chấn, DVL GK ...), địa hóa và các nguồn tài liệu khác. • Xây dựng các module cần thiết của GIS, ES và ANN phục vụ công tác xử lý các số liệu và tri thức phù hợp với cấu trúc DB và KB nêu trên. Các DB, KB cũng như các module phần mềm có "cấu trúc mở", sẵn sàng cho việc nạp/xử lý dữ liệu và tri thức phục vụ công tác tìm kiếm thăm dò trên các khu vực khác nhau. - Ứng dụng thử nghiệm đánh giá đặc trưng via chứa 01 lô của bê Cừ Long. Sản phẩm của nhiệm vụ là: <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc DB và KB địa chất dầu khí có "cấu trúc mở" có thể sử dụng cho các vùng nghiên cứu khác nhau. Các module phần mềm trí tuệ nhân tạo như hệ chuyên gia địa chất dầu khí ES, GA, FL, ANN phân loại, nhận dạng và khoanh vùng dự báo. - DB và KB đầy đủ nhằm phục vụ công tác dự báo sự phân bố via chứa và các đặc trưng via chứa của khu vực lô thử nghiệm. - Bản đồ khoanh vùng dự báo sự phân bố via chứa và các tham số via chứa của lô thử nghiệm. - Báo cáo tổng kết đề tài. 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	Trường Đại học Dầu khí (PVU)
1.8	<p>Nghiên cứu đặc điểm, xác định phân bố và tiềm năng dầu khí trong</p>	<p>Pha 1: Nghiên cứu được thực hiện cho phân phía Bắc bê Sông Hồng gồm các lô từ 102/10 tới lô 104-109/95, gồm các nội dung:</p>				

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	Bẫy phi cấu tạo ở bề trầm tích Sông Hồng. (mục A.5. BB 4599)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về địa chất khu vực bề trầm tích Sông Hồng; - Cơ sở lý thuyết các PP địa chất – địa vật lý nghiên cứu đặc điểm bẫy phi cấu tạo; - Phân tích tổng hợp tài liệu địa chất: cổ sinh, thạch học, địa tầng, địa tầng phân tập; - Phân tích tổng hợp tài liệu địa chấn, ĐVLGK, địa chấn địa tầng, địa chấn đặc biệt; - Xác định đặc điểm và khoanh vùng phân bố bẫy phi cấu tạo - Đánh giá sơ bộ TNDK trong các đối tượng bẫy phi cấu tạo; - Tổng hợp kết quả nghiên cứu, viết báo cáo tổng kết và nghiệm thu đề tài. Pha 2: Phần còn lại của bề trầm tích Sông Hồng, từ lô 105-110/04 tới lô 121. Sản phẩm của Nhiệm vụ là: <ul style="list-style-type: none"> - Các bản đồ cấu trúc đẳng thời, đẳng sâu và đẳng dày của các tầng phân xạ chuẩn của các bẫy địa tầng; - Các bảng biểu, hình vẽ, hình ảnh phản ánh kết quả nghiên cứu mẫu thạch học lát mỏng thạch học, cổ sinh; - Các mặt cắt địa chất/địa vật lý, tương môi trường; - Bản đồ, mặt cắt, khối thuộc tính địa chấn, phổ SpecDecomp; - Sơ đồ phân bố các bẫy phi cấu tạo; - Các hình vẽ, hình ảnh, bảng biểu tham số vật lý thạch học tầng chứa; - Các bảng biểu đánh giá sơ bộ tiềm năng dầu khí trong các bẫy phi cấu tạo; - Báo cáo tổng kết 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	Trường đại học Mỏ - Địa chất và Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
1.9	Nghiên cứu để rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất công tác hoàn thiện giếng, chế độ khai thác mỏ Đại Hùng và các mỏ tương tự (<i>mục A.1, BB 4594</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích và đánh giá công tác hoàn thiện các giếng khai thác và hiện trạng khai thác các vỉa chứa mỏ Đại Hùng. - Rút ra các bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp phù hợp trong công tác hoàn thiện giếng và chế độ khai thác cho mỏ Đại Hùng và các đối tượng mỏ tương tự. - Đề xuất được cấu trúc hoàn thiện giếng và chế độ khai thác phù hợp cho mỏ Đại Hùng và các đối tượng mỏ tương tự. 	Ban KTDK	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
1.10	Xây dựng mô hình địa chất 3D và mô hình thủy động lực mỏ Cá Voi Xanh (<i>mục A.2, BB 4594</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Mô hình ý tưởng địa chất và mô hình địa chất 3D trên cơ sở tích hợp các thông tin về thuộc tính địa chấn, tương địa chấn, mẫu lõi, địa vật lý giếng khoan, trữ lượng tại chỗ; - Xây dựng Mô hình mô phỏng thủy động lực học đảm bảo mức độ phù hợp về trữ lượng tại chỗ và phục hồi lịch sử trữ vỉa; - Các phương án dự báo sản lượng khai thác mỏ trên cơ sở tích hợp các yếu tố: phương án sử dụng khí; độ nhay về số lượng và vị trí các giếng phát triển; chế độ khai thác; lưu lượng đỉnh và thời gian duy trì lưu lượng đỉnh; nhịp độ thu hồi/tốc độ suy giảm năng lượng vỉa; ảnh hưởng của tăng nước đáy và hàm lượng CO2 trong vỉa... 	Ban KTDK	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
1.11	Nghiên cứu chế tạo và áp dụng thực tế hệ gel có định hướng ngăn cách nước cho các đối tượng trầm tích bê Cửu Long - Pha 2: "Nghiên cứu chế tạo hệ chất tạo gel có định hướng nhằm giảm độ ngập nước tại các giếng khai	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu chế tạo hệ hóa phẩm tạo gel áp dụng cho đối tượng vỉa xen kẹp mỏ Tê Giác Trắng, Hải Sư Trắng, đáp ứng các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> • Hệ gel được chế tạo trên nền polymer, không độc hại tới sức khỏe. • Hệ hóa phẩm tạo gel có định hướng ngăn cách nước. • Hệ hóa phẩm tạo gel có khả năng chịu nhiệt độ 110⁰C. • Phù hợp với các tính chất của đá chứa (độ rỗng, thành phần thạch học, nước vỉa...). 	Ban KTDK	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	thác dầu khí" (mục A.3, BB 4594)	<ul style="list-style-type: none"> Giảm mức độ ngập nước tại giếng khai thác > 70%. Thử nghiệm, đánh giá khả năng làm giảm độ thấm tương đối trên mô hình dòng chảy đa pha. 				
1.12	Nghiên cứu xây dựng quy trình hủy giếng khoan nội bộ của PVN (mục A.5, BB 4594)	<ul style="list-style-type: none"> Tổng hợp và đánh giá công tác hủy bỏ giếng khoan dầu khí tại Việt Nam; Phân tích, đánh giá các quy định hiện hành và đề xuất các nội dung chính cần phải có của quy trình hủy giếng; Soạn thảo quy trình hủy giếng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và hiệu chỉnh "Quy chế bảo quản và hủy bỏ giếng khoan" hiện hành, đáp ứng thực tế sản xuất, phù hợp nhu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với thông lệ Quốc tế. 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
1.13	Biên soạn tài liệu hướng dẫn thi công giếng khoan dầu khí trong điều kiện nhiệt độ cao, áp suất cao (HPHT DRILLING OPERATION MANUAL) (mục A.7, BB 4594)	<ul style="list-style-type: none"> Phân tích, đánh giá công tác điều hành và thi công các giếng khoan HTHP tại lô 05-2 và 05-3 nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm; Biên soạn tài liệu hướng dẫn thi công giếng khoan dầu khí trong điều kiện nhiệt độ cao, áp suất cao (HTHP Drilling Operation Manual); Hoàn thiện tài liệu hướng dẫn thi công giếng khoan dầu khí trong điều kiện nhiệt độ cao, áp suất cao (HTHP Drilling Operation Manual)(Tiếng Việt, tiếng Anh) Bao gồm tối thiểu các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn về xây dựng hệ thống quản lý công tác khoan; Hướng dẫn về công tác giám sát, báo cáo, thông tin liên lạc; Hướng dẫn về lập quy trình thi công giếng khoan; Hướng dẫn về lựa chọn dụng cụ và thông số chế độ 	Ban TKTD	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>khoan;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn về lựa chọn chèo khoan/bộ khoan cụ; • Hướng dẫn về chương trình khoan định hướng và kiểm soát quỹ đạo giếng; • Hướng dẫn công tác chống ống và bơm trám xi măng; • Hướng dẫn về công tác kiểm soát giếng; 				
1.14	<p>Nghiên cứu các công nghệ Blockchain trong cách mạng công nghiệp 4.0 (mã hóa dữ liệu) và đề xuất các phương thức quản lý, khai thác dữ liệu thăm dò, khai thác ngành dầu khí Việt Nam. (mục A.6, BB 4594)</p>	<p>Nhiệm vụ phải bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung nghiên cứu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các kỹ thuật, công nghệ Blockchain trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và các kỹ thuật mã hóa/giải mã dữ liệu, kỹ thuật lưu trữ dữ liệu trong môi trường phân tán, kỹ thuật đảm bảo an ninh, bảo mật khi truyền dữ liệu qua mạng, kỹ thuật xác định nguồn gốc dữ liệu. - Nghiên cứu các lĩnh vực ứng dụng tiềm năng của công nghệ Blockchain. - Nghiên cứu, phân tích hiện trạng về nhu cầu mã hóa/giải mã (an ninh bảo mật dữ liệu) và quản lý/khai thác dữ liệu thăm dò khai thác ngành dầu khí. - Nghiên cứu, phân tích cấu trúc một số chuẩn dữ liệu thăm dò khai thác được dùng phổ biến trong ngành dầu khí Việt Nam và trên thế giới. - Đề xuất ứng dụng công nghệ Blockchain vào quản lý/khai thác dữ liệu thăm dò khai thác ngành dầu khí Việt Nam, tập trung vào một số việc cụ thể như: việc mã hóa, giải mã, bảo mật các file dữ liệu thăm dò khai thác; việc bảo mật dữ liệu khi truyền tải dữ liệu qua mạng; bảo mật dữ liệu trong việc copy dữ liệu thăm dò, khai thác giữa máy tính và thiết bị lưu trữ, giữa máy tính với máy tính; việc lưu trữ phân tán dữ liệu thăm dò khai thác (để giảm bớt gánh nặng về đường truyền và thiết bị lưu trữ 	Ban KTDK	Xét chọn	Quỹ PT KHCCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>đối với các dữ liệu có dung lượng lớn);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các công nghệ lập trình để tạo sản phẩm demo để chứng minh tính khả thi của giải pháp đề xuất. Sản phẩm demo phải đảm bảo tốc độ truyền/đọc/mã hóa/giải mã dữ liệu, đảm bảo tính dễ sử dụng, đảm bảo an ninh, bảo mật cho chính phần mềm (sản phẩm) mã hóa/giải mã. Thử nghiệm với ba loại kích thước dữ liệu thăm dò khai thác: file dữ liệu có kích thước nhỏ, kích thước trung bình, và kích thước lớn. <i>Sản phẩm của Nhiệm vụ:</i> gồm Báo cáo kỹ thuật và Phần mềm demo để chứng minh tính khả thi của giải pháp đề xuất. * <i>Báo cáo kỹ thuật:</i> Báo cáo kỹ thuật này phải bao gồm nhưng không hạn chế, đầy đủ, chi tiết, khoa học các thông tin về: <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình nghiên cứu và ứng dụng Blockchain trong nước và trên thế giới. - Nhu cầu mã hóa/giải mã (an ninh bảo mật dữ liệu) và quản lý/khai thác dữ liệu thăm dò khai thác ngành dầu khí. - Công nghệ Blockchain. - Các kỹ thuật mã hóa/giải mã dữ liệu. - Kỹ thuật lưu trữ dữ liệu trong môi trường phân tán. - Kỹ thuật đảm bảo an ninh, bảo mật khi truyền dữ liệu qua mạng, khi copy dữ liệu. - Kỹ thuật xác định nguồn gốc dữ liệu. - Các lĩnh vực ứng dụng tiềm năng của công nghệ Blockchain. - Công nghệ lập trình để áp dụng công nghệ blockchain để xây dựng sản phẩm phần mềm. - Cấu trúc các chuẩn dữ liệu thăm dò, khai thác được dùng phổ biến trong ngành dầu khí Việt Nam và trên thế giới. - Một số đề xuất ứng dụng cụ thể công nghệ Blockchain trong 				

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>quản lý/khai thác dữ liệu thăm dò khai thác. Các đề xuất này phải cụ thể, gần với thực tiễn của ngành dầu khí, và có tính khả thi.</p> <p>* Sản phẩm Phần mềm demo để chứng minh tính khả thi của giải pháp đề xuất. Sản phẩm phần mềm demo phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng các yêu cầu của giải pháp đề xuất, có khả năng mã hóa/giải mã dữ liệu thăm dò khai thác dầu khí. - Có khả năng lưu trữ dữ liệu trong môi trường phân tán. - Đảm bảo an ninh, bảo mật khi truyền dữ liệu qua mạng - Có khả năng xác định nguồn gốc dữ liệu; - Cho phép thực hiện các chức năng trên dữ liệu thăm dò khai thác dầu khí cụ thể - Có khả năng phân cấp, phân quyền. Chỉ những người được cấp quyền mới được truy cập, đọc, thêm, xóa/sửa dữ liệu.... - Đảm bảo tốc độ truyền/tốc độ đọc/tốc độ mã hóa/tốc độ giải mã dữ liệu - Đảm bảo tính dễ sử dụng, thân thiện với người dùng - Đảm bảo an ninh, bảo mật cho chính phần mềm (sản phẩm) mã hóa/giải mã. - Thử nghiệm với ba loại kích thước dữ liệu thăm dò khai thác cụ thể: file dữ liệu có kích thước nhỏ, kích thước trung bình, và kích thước lớn. 				
2. Lĩnh vực Kinh tế Quản lý Dầu khí (06 nhiệm vụ)						
2.1	Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức công tác chuẩn bị sản xuất và quản lý vận hành các	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá, làm rõ vai trò, trách nhiệm của PVN, Ban QLDA, tổng thầu EPC trong giai đoạn chuẩn bị sản xuất, chạy thử nghiệm thu và đưa nhà máy vào vận hành thương mại (giai đoạn dự án chưa hoàn thành, chưa có pháp nhân chính 	Ban Điện	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	<p>nhà máy nhiệt điện than của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. (mục A.1, BB 4686)</p>	<p>thực quản lý) và của đơn vị quản lý vận hành thương mại nhà máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá tính pháp lý, hình thức, vai trò và trách nhiệm của PVPower (Công ty cổ phần) trong quá trình tham gia vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy nhiệt điện của PVN. - Đánh giá, tổng kết kinh nghiệm quá trình chuẩn bị sản xuất Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1. - Tham khảo mô hình tổ chức, trách nhiệm các bộ phận liên quan trong các giai đoạn chuẩn bị sản xuất, đưa nhà máy vào vận hành thương mại đối với các dự án của EVN và TKV. - Đề xuất các phương án tổ chức chuẩn bị sản xuất và tổ chức quản lý vận hành các NMNĐ than của PVN. Phân tích những thuận lợi, khó khăn, hạn chế của các phương án. - Đánh giá, đề xuất mô hình tổ chức chuẩn bị sản xuất và tổ chức quản lý vận hành phù hợp các NMNĐ than của PVN. - Báo cáo tổng kết theo quy định. 				
2.2	<p>Nghiên cứu so sánh mặt bằng giá khí khai thác trong nước khí có nguồn khí nhập khẩu tại Việt Nam giai đoạn đến 2025, tầm nhìn đến 2035. (mục A.2, BB 4686)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật và dự báo cân đối cung cầu khí tại Việt Nam trong giai đoạn đến 2020 – 2025, định hướng 2035. - Cập nhật và đánh giá nhu cầu tiêu thụ khí và khả năng đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ tại Việt Nam từ nguồn khí khai thác trong nước theo từng khu vực (ĐNB, TNB, Miền Trung, Miền Bắc). - Cập nhật tình trạng Hợp đồng cung cấp khí cho các khách hàng (nhà máy điện trong/ngoài bao tiêu, Nhà máy điện BOT, Đạm & Thấp áp) trong giai đoạn 2020 – 2025; Công thức giá khí áp dụng cho các khách hàng tương ứng. - Cập nhật các chính sách/định hướng vĩ mô của Nhà nước trong phát triển thị trường khí (tập trung cho lĩnh vực điện 	Ban Khí và CBDK	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>khí).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích thông tin về các phương án nhập khẩu và cơ chế giá PNG, LNG tại Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025 (có tham khảo mô hình nhập khẩu khí của các nước trong khu vực). - Dự báo giá khí trong nước và giá PNG, LNG giai đoạn 2020 – 2025, trên cơ sở đó, so sánh và đánh giá mặt bằng giá khí thiên nhiên trong nước và giá LNG, PNG nhập khẩu. - Đề xuất phương án sử dụng, kinh doanh các nguồn khí tại thị trường Việt Nam đến 2025 và định hướng đến 2035 (phân bổ hợp lý tỷ lệ giữa các nguồn nhập khẩu và khai thác trong nước theo khu vực tùy vào sản lượng cũng như giá khí từng thời kỳ/giai đoạn; cơ chế giá khí các nguồn và cho hộ tiêu thụ). - Báo cáo tổng kết theo quy định. 				
2.3	<p>Nghiên cứu xây dựng Bản tin Khoa học – Công nghệ Dầu khí. (mục A.4, BB 4686)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các ấn phẩm, tạp chí, tài liệu kỹ thuật về KHCN dầu khí trong nước, quốc tế. - Hệ thống hóa, tổng hợp, cập nhật các thông tin nổi bật về KHCN dầu khí, thành tựu KHCN (hàng tháng). - Biên tập thành Bản tin Khoa học – Công nghệ ngành dầu khí. Bản tin dưới dạng file mềm và có thể đăng tải trên mạng nội bộ của PVN (INTRANET/INTERNET). Cấu trúc dự kiến gồm: <ul style="list-style-type: none"> <i>Tin nổi bật về thành tựu KHCN ngành Dầu khí trong và ngoài nước:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Tóm tắt các bài viết nổi bật (tác giả, điểm mới, khả năng ứng dụng, kèm đường link bài viết) từ các tạp chí/tài liệu kỹ thuật nước ngoài mà PVN đang đặt mua và từ 	Hội đồng KHCN TD	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>các nguồn khác (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu, biên dịch một bài viết đầy đủ về KHCN nổi bật nhất trong tháng (CN mới /giải pháp kỹ thuật mới /thiết bị mới,...) - do Ban đầu mỗi đề xuất/lựa chọn. <p><i>Sản phẩm khoa học công nghệ của PVN:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Các sáng kiến, sáng chế, giải pháp hữu ích trong Tập đoàn được công nhận. Các nghiên cứu của PVN được triển khai và nghiệm thu trong kỳ. Một số kết quả nghiên cứu ứng dụng (pilot) trong kỳ nếu có. Tin vắn: Hoạt động khoa học của Hội đồng KHCN PVN/đơn vị, Chương trình NCKHCN của PVN/đơn vị. 				
2.4	<p>Đánh giá ảnh hưởng của quy định pháp lý đối với công tác đầu tư xây dựng các công trình dầu khí (khí – chế biến – điện) của Tập đoàn DKVN và đề xuất các phương hướng hoàn thiện. (mục A.5, BB 4686)</p>	<ul style="list-style-type: none"> Phân tích làm rõ các điểm khác biệt giữa hoạt động đầu tư xây dựng các dự án/công trình dầu khí so với đầu tư xây dựng các dự án/công trình thông thường. Hệ thống hóa các văn bản luật và dưới luật hiện hành điều chỉnh các hoạt động đầu tư xây dựng các dự án/công trình dầu khí (văn bản luật, dưới luật đang điều chỉnh chung, cơ chế đặc thù/điều chỉnh riêng nếu có). Phân tích những vướng mắc trong hệ thống văn bản luật, dưới luật hiện hành và ảnh hưởng đối với hoạt động đầu tư xây dựng các dự án/công trình dầu khí (có liên hệ tham khảo quy định đối với các ngành khác cũng có tính đặc thù như EVN, TKV). Đề xuất các nội dung (điều, khoản) trong các văn bản pháp lý liên quan cần thay đổi/bổ sung cho phù hợp. Định hướng cách thức triển khai điều chỉnh (lộ trình thực hiện 	Lãnh đạo Tập đoàn đặt hàng	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		theo thứ tự ưu tiên, sự phối hợp của PVN, các bộ ngành liên quan, cơ quan lập pháp). - Báo cáo tổng kết theo quy định.				
2.5	Xây dựng các chương trình đào tạo khung cho các vị trí công việc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, giai đoạn II: khối nghiệp vụ phi kỹ thuật và lãnh đạo/quản lý. (TGD đồng ý tại PT 328/2018/QTNL ngày 23/7/2018)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp thông tin tài liệu, đánh giá công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực của PVN giai đoạn 2013-2017 trong lĩnh vực lãnh đạo/quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ phi kỹ thuật (non-technical). - Nghiên cứu tổng quan kinh nghiệm trong nước và quốc tế, các quy định của nhà nước về các chương trình đào tạo khung trong lĩnh vực lãnh đạo/quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ phi kỹ thuật. - Xây dựng các chương trình đào tạo khung để phát triển năng lực lãnh đạo/quản lý và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phi kỹ thuật trên cơ sở Hệ thống Tiêu chuẩn chức danh của PVN đã ban hành và áp dụng. - Xây dựng 02 bộ công cụ hướng dẫn triển khai các chương trình đào tạo (theo chương trình khung) thuộc lĩnh vực lãnh đạo/quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ phi kỹ thuật. - Báo cáo tổng kết theo quy định. 	Ban Quản trị nguồn Nhân lực	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
2.6	Nghiên cứu xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp giảm thiểu hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm trong quá trình vận chuyển dầu thô từ mỏ dầu trong nước đến Nhà máy Lọc Dung Quất.	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra cơ sở khoa học khách quan về nguyên nhân gây ra hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm dầu thô trong quá trình vận chuyển dầu thô từ mỏ dầu trong nước đến Nhà máy Lọc Dung Quất; - Đề xuất giải pháp tổng thể, mang tính bền vững cao để giảm thiểu hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm trong quá trình vận chuyển dầu thô từ mỏ dầu trong nước đến Nhà máy Lọc Dung Quất. - Đánh giá hiện trạng hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm dầu 	Ban CNATMT	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	(QĐ số 4750, ngày 08/8/2016)	<p>thô trong quá trình vận chuyển dầu thô từ mỏ dầu trong nước đến Nhà máy Lọc dầu Dung Quất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá các quy trình/phương pháp giao nhận, lấy mẫu, phân tích mẫu, đo đếm, giám định, tính toán chuyển đổi, VEF, ROB..., nghiên cứu tiến hành lấy mẫu, thực hiện phân tích mẫu, thu thập thông tin, dữ liệu về cả số lượng và chất lượng tại tất cả các công đoạn sản xuất (xuất/cảng bốc, vận chuyển, cảng dỡ, nhập kho và tách nước, tồn chứa dầu thô) nhằm phát hiện các bất hợp lý là nguyên nhân gây ra hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm dầu thô; - Tham gia giám sát các chuyến tàu vận chuyển dầu thô từ mỏ dầu trong nước đến Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; - Tính toán cân bằng vật chất (theo TOV, TCV, GOV, NSV) cho từng công đoạn và toàn bộ quá trình để xác định hao hụt về khối lượng và thể tích dầu thô; - Cung cấp các bằng chứng khoa học xác định nguyên nhân gây ra hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm dầu thô; - Đề xuất giải pháp tổng thể, có tính bền vững cao để giảm thiểu hao hụt, chênh lệch số liệu đo đếm trong quá trình vận chuyển dầu thô từ mỏ dầu trong nước đến Nhà máy LDDQ. 				Viện Dầu khí Việt Nam
3. Lĩnh vực Hóa - Chế biến Dầu khí (04 Nhiệm vụ)						
3.1	Phân tích, đánh giá tính chất sản phẩm mỏ Thô Trắng (dầu thô) và mỏ Sục Từ Nấu (dầu thô, khí) nhằm bổ sung cho Hệ thống cơ sở dữ liệu dầu thô, khí Việt Nam. (mục A.1, BB 4142)	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát về mỏ Thô Trắng; - Phương pháp luận thực hiện; - Lấy mẫu dầu thô, thông tin mẫu; - Xử lý, tách nước, tách khí; - Chung cất điểm sôi thực tại áp suất khí quyển, chưng cất chân không để thu đường cong chưng cất điểm sôi thực (ĐST) và các phân đoạn cắt; 	Ban Khí và CBDK	Xét chọn	Quỹ PTKHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tính chất khí, dầu thô và tính chất các phân đoạn cắt; - Nhận xét, đánh giá, phân loại, đề xuất hướng sử dụng và so sánh các tính chất của mẫu dầu phân tích với mẫu dầu thô Bạch Hổ hỗn hợp và so sánh với các mẫu dầu đã phân tích trước đây; - Nhận xét các tính chất của dòng cơ sở so với các dòng trong thiết kế NMLD Dung Quất. 				
3.2	Phân tích, đánh giá tính chất sản phẩm khí và condensate mô Thiên Ưng nhằm bổ sung cho Hệ thống cơ sở dữ liệu dầu khí Việt Nam. (mục A.2, BB 4142)	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát về mô Thiên Ưng; - Phương pháp luận thực hiện; - Điều kiện lấy mẫu và xử lý mẫu; - Thành phần, tính chất sản phẩm và các phân đoạn sản phẩm của mô Thiên Ưng (đối với mẫu condensat) và phân tích thành phần, tính chất sản phẩm khí; - Nhận xét, đánh giá, phân loại, so sánh và đề xuất hướng sử dụng cho mẫu khí và condensat mô Thiên Ưng. 	Ban Khí và CBDK	Xét chọn	Quỹ PTKHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
3.3	Nghiên cứu khả năng xây dựng nhà máy sản xuất nhựa đường đặc (base) từ sản phẩm asphalt của NMLD Dung Quất sau nâng cấp mở rộng. (mục A.3, BB 4142)	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính khả thi về thị trường nguyên liệu và sản phẩm; - Dự kiến quy mô đầu tư và lựa chọn địa điểm cho dự án; - Đề xuất giải pháp kỹ thuật công nghệ; - Tính toán tổng mức đầu tư và chi phí vận hành; - Đánh giá hiệu quả tài chính dự án; - Kết luận về tính khả thi của dự án. 	Ban Khí và CBDK	Tuyển chọn	Quỹ PTKHCN PVN	
3.4	Đánh giá và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh khâu sau của Tập đoàn DKQGVN.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan hoạt động SXKD của các đơn vị khâu sau trong TĐ; - Thực trạng mô hình tổ chức quản lý các đơn vị khâu sau trong Tập đoàn: mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, mối quan hệ quản trị giữa PVN với các đơn vị và giữa các đơn vị khâu sau trong chuỗi cung ứng dầu khí (có xét đến mô hình tổ chức theo 	Ban Khí và CBDK	Tuyển chọn	Quỹ PTKHCN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	(mục A.4, BB 4142)	<ul style="list-style-type: none"> phương án tái cơ cấu Tập đoàn); Tham khảo các mô hình quản trị doanh nghiệp đối với các đơn vị khâu sau của một số công ty dầu khí; Đề xuất mô hình quản trị doanh nghiệp các đơn vị sản xuất kinh doanh khâu sau trong Tập đoàn. Báo cáo tổng kết theo quy định. 				
4. Lĩnh vực An toàn và Bảo vệ Môi trường Dầu khí (08 nhiệm vụ)						
4.1	Nghiên cứu xây dựng và hỗ trợ ban hành Quy chuẩn Việt Nam – Phương pháp kiểm định kỹ thuật trên cơ sở phân tích rủi ro RBI cho các thiết bị công nghệ chịu áp lực của nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí và các nhà máy đạm. (mục A.1, BB 4182)	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát, đánh giá những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các quy định về kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ cho các thiết bị chịu áp lực nói chung và các thiết bị chịu áp lực tại các công trình dầu khí nói riêng. Tham khảo, phân tích, đánh giá các quy định quốc tế liên quan trong lĩnh vực kiểm định trên cơ sở phân tích rủi ro RBI (Risk Based Inspection) cho các công trình dầu khí. Lựa chọn quy định phù hợp áp dụng cho nhà máy lọc-hóa dầu, chế biến khí và các nhà máy đạm của Tập đoàn. Xây dựng dự thảo Quy chuẩn và Thuyết minh Quy chuẩn. Hỗ trợ Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn. Được Bộ Công Thương ban hành. 	Ban CNATMT	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCCN PVN	
4.2	Nghiên cứu xây dựng và hỗ trợ ban hành Hướng dẫn quy định kỹ thuật Hồ sơ cấp phép nhân chìm vật liệu nạo vét tại các vùng biển Việt Nam. (mục A.2, BB 4182)	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu tổng quan về các quy định liên quan đến nhận chìm của Việt Nam và quốc tế. Xác định các tiêu chí cho phép vật liệu nạo vét được nhận chìm tại biển Việt Nam. Xây dựng dự thảo Hướng dẫn và Thuyết minh Hướng dẫn. Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Hướng dẫn. Được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành 	Ban CNATMT	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCCN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
4.3	<p>Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của hoạt động thăm dò khai thác dầu khí lên môi trường biển tại khu vực hoạt động thăm dò khai thác dầu khí thuộc bồn trũng Nam Côn Sơn. (mục A.3, BB 4/182)</p>	<p>- Tổng hợp thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí và các nguồn thải tại các mỏ khu vực bồn trũng Nam Côn Sơn (Đặc điểm địa chất, địa hình, khí tượng, thủy văn, mùn khoan thải tại các mỏ; lượng thải, thành phần, tính chất và xu hướng biến đổi, nước thải khai thác tại các mỏ; lượng thải, thành phần, tính chất và xu hướng biến đổi).</p> <p>- Đánh giá diễn biến và hiện trạng môi trường biển:</p> <p>- Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động TDKT dầu khí đến môi trường biển</p> <p>- Xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản đồ chuyên đề phân bố nguồn lợi sinh vật biển đặc trưng khu vực bồn trũng Nam Côn Sơn, tỉ lệ 1:250.000 (cá, tôm, mực, san hô, cỏ biển (nếu có)); • Bản đồ chuyên đề phân bố đặc trưng trầm tích (phân bố THC, PAH, Ba, Cu, Pb, Zn, Cd, Hg), sinh vật đáy (số loài, mật độ, chỉ số đa dạng). <p>- Đề xuất các giải pháp, biện pháp hiệu quả cho công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường khu vực bồn trũng Nam Côn Sơn.</p>	Ban CNATMT	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viên Dầu khí Việt Nam
4.4	<p>Nghiên cứu xây dựng Hướng dẫn triển khai công tác an toàn và sức khỏe lao động trong các dự án của PVN. (mục A. 4, BB 4/182)</p>	<p>- Nghiên cứu tổng quan về các quy định hiện hành trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam và các quy định, hướng dẫn về công tác an toàn sức khỏe lao động trong các dự án dầu khí.</p> <p>- Đánh giá tình hình thực hiện công tác an toàn, sức khỏe lao động trong các dự án dầu khí tại các đơn vị thành viên của Tập đoàn.</p> <p>- Xây dựng Dự thảo Hướng dẫn và Thuyết minh Hướng dẫn.</p> <p>- Được PVN ban hành.</p>	Ban CNATMT	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
4.5	Xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường cho các khu vực đảo ngoài khơi Việt Nam. (mục A.5, BB 4182)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường (BĐNCMT) tỷ lệ 1/50.000 cho các khu vực đảo có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động dầu khí của PVN, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ số nhạy cảm đường bờ; • Chỉ số nhạy cảm tài nguyên ven bờ; • Phân loại các mức độ nhạy cảm theo mức độ ưu tiên. - Tích hợp với hệ thống các đảo đã được xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường để thành lập bản đồ nhạy cảm môi trường tổng thể cho các đảo trong phạm vi nghiên cứu. 	Ban CNATMT	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
4.6	Nghiên cứu xây dựng Hướng dẫn thiết lập hệ thống quản lý an toàn công nghệ cho các hoạt động dầu khí. (mục A.6, BB 4182)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tổng quan yêu cầu, quy định hiện hành trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam và các quy định, hướng dẫn quốc tế về quản lý an toàn nói chung và quản lý an toàn công nghệ nói riêng - Thực trạng công tác quản lý an toàn công nghệ tại các đơn vị của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. - Xây dựng Dự thảo Hướng dẫn và Thuyết minh Hướng dẫn. - Được PVN ban hành. 	Ban CNATMT	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCN PVN	
4.7	Nghiên cứu xây dựng Hướng dẫn thiết lập và áp dụng bộ chỉ số hiệu quả an toàn công nghệ nhằm tăng cường hiệu quả quản lý an toàn cho hoạt động thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí của PVN. (mục A.7, BB 4182)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan yêu cầu, quy định hiện hành trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam và các quy định, hướng dẫn quốc tế về quản lý an toàn nói chung và an toàn công nghệ nói riêng. - Tổng hợp dữ liệu tai nạn sự cố, các báo cáo đánh giá mối nguy và nhận diện rủi ro, hệ thống quản lý an toàn, quy trình đảm bảo an toàn trong vận hành hệ thống công nghệ của hoạt động thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí. - Xây dựng dự thảo Hướng dẫn và Thuyết minh Hướng dẫn. - Được PVN ban hành. 	Ban CNATMT	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
4.8	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng nhiên liệu thay thế cho việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch	Giai đoạn 1: Đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước tại Việt Nam, bao gồm:				

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	<p>dụng dung dịch khoan nên không nước trong các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí trên biển VN nhằm đề xuất sửa đổi và hỗ trợ ban hành Quy chuẩn 36:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dung dịch khoan và mùn khoan thải từ các công trình dầu khí trên biển (Mục B.1, BB 4182)</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng và mức độ hồi phục của việc sử dụng dung dịch khoan nên không nước đối với môi trường biển Việt Nam; - Nghiên cứu đánh giá quá trình phân rã sinh học của dung dịch khoan nên không nước trong điều kiện mô phỏng đáy biển; - Đánh giá tác động lâu dài của việc sử dụng dung dịch khoan nên không nước đến môi trường biển Việt Nam - Nhận định ảnh hưởng lâu dài đối với môi trường biển từ việc sử dụng DDK nên không nước tại Việt Nam; trên cơ sở đó đề xuất định hướng quản lý việc sử dụng các loại DDK này về khía cạnh bảo vệ môi trường <p>Giai đoạn 2: Xây dựng Dự thảo và hỗ trợ ban hành Quy chuẩn thay thế QCVN 36:2010/BTNMT, các nội dung chính bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp các quy định pháp lý, tài liệu liên quan đến việc sử dụng dung dịch khoan và mùn khoan thải trên thế giới và Việt Nam; - Khảo sát, thu thập thông tin về thực tiễn sử dụng DDK và thải bỏ mùn khoan của các nhà thầu dầu khí tại Việt Nam và xác định những thuận lợi, vướng mắc trong quá trình áp dụng QCVN 36:2010/BTNMT; - Xây dựng Dự thảo Quy chuẩn; - Đánh giá tính phù hợp của Dự thảo Quy chuẩn dựa trên phân tích kiểm chứng Barit, dung dịch khoan nên nước và nên không nước, mùn khoan thải bằng các phương pháp đã đề xuất và ngưỡng giá trị đề xuất; - Hỗ trợ ban hành Quy chuẩn tại Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. 	Ban CNATMT	Xét chọn	Quỹ PT KHCN PVN	Viện Dầu khí Việt Nam
5. Lĩnh vực Điện và Khác (06 nhiệm vụ)						

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
5.1	<p>Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ công tác quản lý các dự án và nhà máy điện. (mục III.1, BB 4467)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan hiện trạng lưu giữ, quản lý, sử dụng dữ liệu quản lý và giám sát các dự án/NMĐ của Tập đoàn. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn và tồn tại trong quá trình thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu; - Phân tích các yêu cầu quản lý của Tập đoàn đối với các dự án Điện, làm cơ sở xác định các thông tin, dữ liệu đầu vào, biểu mẫu kết quả đầu ra; - Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ cho công tác quản lý các dự án/NMĐ của Tập Đoàn (thiết kế cấu trúc CSDL; xây dựng các module chức năng (lưu trữ, tra cứu, kết xuất báo cáo/thông kê, biểu đồ/hình vẽ) và quản trị hệ thống; phân tích; lập trình (viết phần mềm); nhập liệu, kiểm tra, chạy thử, đào tạo chuyên giao, ...); - Một số đề xuất trong việc duy trì, quản lý CSDL (cập nhật thông tin, tra cứu/sử dụng...). - Báo cáo tổng kết theo quy định - Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý các dự án/NMĐ (kèm hướng dẫn sử dụng) + CSDL đối với mỗi dự án/NMĐ của PVN đảm bảo tính hệ thống, được cập nhật chính xác, cụ thể và chi tiết. + Phần mềm quản lý hệ thống CSDL phải đảm bảo các yêu cầu chức năng và phi chức năng: <ul style="list-style-type: none"> ➢ Lưu trữ: thông tin/dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý với mỗi dự án/NMĐ của PVN; văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến hoạt động đầu tư và SXKD, sửa chữa bảo dưỡng của các dự án/NMĐ. ➢ Tra cứu: tìm kiếm thông tin theo nhiều tiêu chí khác nhau (tên dự án, tình trạng triển khai, thời gian/tiến độ, loại hình NMĐ, gam công suất, thiết bị chính, sản lượng). 	Ban Điện	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCCN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		<p>chỉ phí, tiêu thụ nhiên liệu, ...); tra cứu, tìm kiếm các văn bản tài liệu liên quan theo thời gian, loại văn bản, cơ quan ban hành...</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Kết xuất Báo cáo/Thông kê: theo các mẫu biểu báo cáo, thông tin tổng hợp về các dự án/NMĐ liên quan đến quản lý đầu tư, xây dựng, thông tin quản lý vận hành sản xuất, quản lý sửa chữa bảo dưỡng theo từng loại hình nhà máy; kết xuất các biểu đồ/đồ thị tổng hợp. ➢ Quản trị hệ thống: đảm bảo tính bảo mật theo hệ thống phân quyền truy cập cho người sử dụng, nhật ký truy cập. <p>Đảm bảo tính tương thích, thẩm mỹ và dễ dàng nâng cấp, mở rộng.</p>				
5.2	<p>Nghiên cứu xây dựng định mức hao hụt than trong quá trình chạy thử và vận hành thương mại các nhà máy nhiệt điện than của PVN. (mục III.2, BB 4467)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về quy trình thực hiện, quy trình phối hợp giữa các bên trong quá trình tiếp nhận, vận chuyển và lưu kho tại các NMĐ than của PVN (tập trung VA1, TB2); - Khảo sát, đánh giá quy trình công nghệ, điều kiện, phương tiện hệ thống tiếp nhận/bốc dỡ, vận chuyển, lưu kho và cung cấp than, quá trình giám sát và quản lý (theo quy trình và thực tế thực hiện) của các dự án NMĐ than của PVN (tập trung VA1, TB2); - Đo đạc, thống kê, đánh giá, xác định nguyên nhân/bản chất gây ra hao hụt than trong từng công đoạn/hệ thống, các yếu tố ảnh hưởng (thiết bị, công nghệ; chất lượng than; điều kiện tự nhiên; sai số đo đếm - sai số thiết bị, phương pháp đo, phương pháp, tần suất lấy mẫu ...) (tập trung ở TB2, có kiểm chứng ở VA1); - Thu thập và tham khảo việc thực hiện, áp dụng định mức hao hụt than thực tế ở Tổng công ty Điện lực TKV và các GENCO 	Ban Điện	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
5.3	<p>Nghiên cứu đánh giá mô hình hoạt động, cấu hình công nghệ các nhà máy sử dụng LNG điện hình và đề xuất công nghệ áp dụng cho nhà máy điện Sơn Mỹ 2. (mục III.3, BB 4467)</p>	<p>ở EVN (ưu tiên những nhà máy có hệ thống vận chuyển và lưu trữ than có đặc điểm chung gần giống với các NMNĐ than của PVN); Tính toán, đề xuất định mức hao hụt than (định mức trần) để áp dụng cho giai đoạn chạy thử nghiệm thu và vận hành thương mại các NMNĐ than của PVN;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo nội dung công văn đề PVN trình các cấp thẩm quyền về “định mức hao hụt than áp dụng cho giai đoạn chạy thử nghiệm thu và vận hành thương mại các NMNĐ than của PVN” hoặc dự thảo nội dung quyết định đề PVN ban hành - Báo cáo tổng kết theo quy định. <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá sự xuất hiện tất yếu và vai trò của các nhà máy điện sử dụng LNG tại Việt Nam. - Tham khảo mô hình hoạt động, thông số kỹ thuật của chuỗi khí – điện LNG và sơ đồ cấu hình công nghệ các nhà máy điện sử dụng LNG điển hình trên thế giới. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc đầu tư Dự án nhà máy điện sử dụng LNG (Sơn Mỹ 2, Nhơn Trạch 3&4) và đánh giá các khó khăn, thách thức; - Phân tích các yếu tố nhằm đảm bảo đồng bộ tiến độ giữa phần triển khai dự án kho cảng LNG và nhà máy điện; - Nghiên cứu hệ thống tái hóa khí từ LNG (công nghệ, quy mô công suất, thông số kỹ thuật, ...); - Phân tích và tổng hợp yêu cầu các thông số kỹ thuật của nhà máy điện đối với hệ thống cung cấp khí; - Đề xuất lựa chọn cấu hình, công nghệ nhà máy điện sử dụng LNG của PVN phù hợp quy mô công suất đã được hoạch định. - Báo cáo tổng kết theo quy định 	Ban Điện	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCN PVN	
5.4	Nghiên cứu đánh giá	Nhiệm vụ cần đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau:	Ban Điện	Xét chọn	Quỹ PT	Trưởng đại

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
	<p>việc sử dụng nguồn nước và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước trong các nhà máy nhiệt điện của PVN. (mục III.4, BB 4467)</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu khảo sát NMND và công nghệ sử dụng tại VN; - Nghiên cứu khảo sát nhu cầu sử dụng nước trong các NMND tại VN và thế giới; - Nghiên cứu đánh giá công nghệ làm mát và những tác động đến môi trường; - Nghiên cứu đánh giá hao hụt nước sử dụng trong các NMND với các công nghệ khác nhau; - Nghiên cứu tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong các NMND. 			KHCHN PVN	học Dầu khí (PVU)
5.5	<p>Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả làm việc của các Máy biến áp (MBA) công suất lớn tại các Nhà máy điện của PVN. (mục III.5, BB 4467)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập dữ liệu của các máy biến áp (MBA) công suất lớn tại các nhà máy điện của PVN: TT Điện lực Nhơn Trạch, TT Điện lực Cà Mau và Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I; - Phân tích dữ liệu để tính toán các thành phần tổn hao và hiệu suất vận hành của các MBA; - Phân tích thực trạng hoạt động và các thông số vận hành hiện tại để có đề xuất cụ thể về chế độ vận hành hiệu quả hơn của MBA, nhằm cải thiện hiệu suất; - Xây dựng một chương trình mô phỏng và tính toán hiệu suất thực để hỗ trợ vận hành MBA; - Biên soạn các tài liệu hướng dẫn sử dụng và đào tạo chương trình mô phỏng vận hành MBA. <p>Dự kiến các sản phẩm chính cần phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ tài liệu đánh giá về tình trạng làm việc của các máy biến áp công suất lớn trong các nhà máy nhiệt điện của PVN. - Một chương trình phần mềm tính toán tổn hao, hiệu suất để hỗ trợ vận hành máy biến áp cho các nhà máy nhiệt điện của PVN. - Báo cáo tổng kết. 	Ban Điện	Xét chọn	Quỹ PT KHCHN PVN	Trường đại học Dầu khí (PVU)

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
5.6	<p>Nghiên cứu, tính toán thông số kỹ thuật phục vụ đàm phán PPA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. (Mục III.6, BB 4467)</p>	<p>- Trên cơ sở tài liệu hiện có tại Ban quản lý dự án ĐLDK Thái Bình 2, tiến hành khảo sát, thu thập số liệu, tiến hành tính toán, lập bộ suất tiêu hao than ở các mức tải 100%, 95%, 90%, 85%, 80%, 75%, 70%, 65%, 60%, 55%, 50%, 45%, 40%, 35%, 30%, 25%, 20%, 15%, 10% và 5%, tương ứng với hàm lượng carbon không cháy hết theo thiết kế; 5%, 6%, 7% và 8%.</p> <p>- Tính toán, dự kiến độ suy giảm công suất, hiệu suất của lò, turbine...cho 30 năm của nhà máy.</p> <p>- Thu thập, so sánh phân tích suất tiêu hao than của các nhà máy tương tự, đưa ra khuyến cáo suất tiêu hao than thực tế vận hành của nhà máy sau này cũng như suất tiêu hao than trong hợp đồng PPA, kiểm tra, tính toán tiêu hao dầu HFO cho khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu hồ sơ thiết kế, vận hành các hệ thống liên quan đến chỉ tiêu vận hành của nhà máy. • Trên cơ sở tài liệu thiết kế, thu thập số liệu của các nhà máy tương tự để tính toán lượng dầu HFO tiêu thụ theo thông tư 56/TT-BCT/2014 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện (gồm lượng dầu HFO khởi động, thời bụi, tăng giảm máy nhiên...). <p>- Các đặc tính khác: trên cơ sở tài liệu thiết kế, thu thập số liệu của các nhà máy tương tự để khuyến cáo chủ đầu tư về tốc độ tăng, giảm tải phù hợp với tình hình vận hành thực tế sau này.</p> <p>- Rà soát, kiểm tra, tính toán các thông số kỹ thuật cần thiết khác và đưa ra các ý kiến nhận xét cho Chủ đầu tư.</p> <p>- Hỗ trợ Chủ đầu tư trong quá trình đàm phán Hợp đồng PPA.</p> <p>- Tham gia các cuộc họp, giải trình, làm rõ và hoàn thiện các nội dung trong báo cáo.</p>	Ban Điện	Tuyển chọn	Quỹ PT KHCN PVN	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Ban Chuyên môn/Ban đặt hàng	Phương thức giao thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì dự kiến
		- Lập và hoàn thiện Báo cáo khoa học.				